TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 74/2023/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 22 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị U, năm sinh 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bị kiện: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh N: Ông Võ Trung D, sinh năm 1973 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 10 năm 2022)

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Đào Thị Thanh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Đào Thị Thanh T: Ông Võ Trung D, sinh năm 1973 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 02

năm 2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: 02 người con chung tên Lê Trần Thanh D, sinh ngày 16/08/2017 và Lê Trần Lan N, sinh ngày 28/12/2020. Bà Lê Thị U rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị U và ông Võ Trung D (đại diện ông Trần Thanh N, bà Đào Thị Thanh T) thống nhất thỏa thuận:

Bà Lê Thị U thống nhất giao cho ông Trần Thanh N được trọn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Thửa số 255, tờ bản đồ số 36, diện tích 428 m^2, đất tọa lạc ở ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 627537, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03487 do ông Trần Thanh N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 420, kích thước 71,21 m;

- Hướng Tây giáp thửa 301, kích thước 71,43 m;

- Hướng Nam giáp Quốc lộ 60, kích thước 6.00 m

- Hướng Bắc giáp thửa 185, kích thước 6,00 m.

Cùng tài sản gắn liền với thửa đất gồm có:

+ Mái che: Mái tole (không trần), cột đúc, lưới B40, tường xây gạch tô trát một mặt (không quét vôi), nền láng xi măng có bê tông lót (không xây bó nền), diện tích 90 m^2;

+ Phần nhà trọ 1: Mái tole (không trần), cột đúc, xây tường gạch tô trát quét vôi, nền láng xi măng có bê tông lót (không xây bó nền), diện tích 90 m^2;

+ Phần nhà trọ 2: Mái tole (không trần), cột đúc, tường xây gạch tô trát, quét vôi, nền lát gạch men, diện tích 148,5 m^2;

+ Mái che lối đi: mái tole kết cấu đỡ gỗ, cột đúc, tường xây gạch (không tô trát), nền lót gạch tàu, diện tích 148,5 m^2.

Tổng giá trị tài sản đất và tài sản gắn liền là 1.144.410.950 đồng.

Giá trị tài sản của ông Trần Thanh N được hưởng là 544.410.950 đồng.

Ông Trần Thanh N có nghĩa vụ giao lại cho bà U giá trị tài sản chung bằng 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Võ Trung D (Đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Thanh T) rút lại

yêu cầu khởi kiện về tài sản chung đối với thửa đất số 255, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Thanh N tự nguyên chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm bằng 12.888.219 đồng.

Bà Lê Thị U tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 14.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bằng 7.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012057, 0012058 ngày 05/10/2022 và 0014730 ngày 06/02/2023, bà Út còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.200.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đào Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí bằng 8.333.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014800 ngày 27/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh Trà Vinh;
- VKSND H. Châu Thành;
- CC. THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Sơn Thị Hồng Nhân